

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI UDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 17 tháng 8 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
1	CB56042	KTNL2311039	Đặng Khánh	An	11/10/2005	Cần Thơ	6.33	9.00	Đạt
2	CB56043	CNCD2411004	Nguyễn Phúc	An	27/03/2005	Đồng Tháp	6.00	6.25	Đạt
3	CB56044	CNXD2311028	Phạm Duy	An	25/06/2005	Cần Thơ	8.33	6.50	Đạt
4	CB56045		Hoàng Ngọc Lan	Anh	09/08/2008	Cần Thơ	9.00	5.50	Đạt
5	CB56046	LUAT2211035	Lê Nguyễn Lan	Anh	23/03/2004	Vĩnh Long	3.33	7.00	Không đạt
6	CB56047	2100465	Nguyễn Hoàng	Anh	08/11/2003	Sóc Trăng	7.00	7.50	Đạt
7	CB56048	LUAT2311008	Tô Hoàng Hồng	Anh	01/04/2005	Sóc Trăng	6.67	5.25	Đạt
8	CB56049		Trần Thị Ngọc	Ánh	20/09/1999	An Giang	5.33	7.00	Đạt
9	CB56050	LUAT2311006	Bùi Quốc	Bảo	14/04/2005	Kiên Giang	8.33	8.00	Đạt
10	CB56051	CNXD2311058	Đào Trí	Cường	06/04/2005	Cà Mau	6.67	6.50	Đạt
11	CB56052	TCNH2311011	Trương Thành	Danh	20/04/2005	Cần Thơ	7.67	9.25	Đạt
12	CB56053	2100511	Nguyễn Hùng	Dũng	26/06/2003	Cần Thơ	6.67	6.25	Đạt
13	CB56054	QLXD2211040	Nguyễn Bá	Duy	30/04/2004	Sóc Trăng	5.67	5.25	Đạt
14	CB56055	1700300	Nguyễn Khánh	Duy	08/07/1999	Trà Vinh	7.00	6.00	Đạt
15	CB56056		Nguyễn Khánh	Duy	07/10/2005	Cần Thơ	7.67	8.50	Đạt
16	CB56057	TCNH2211005	Lê Thị Thùy	Dương	23/08/2004	Cần Thơ	6.00	8.50	Đạt
17	CB56058	LQCC2211045	Trương Thị Thùy	Dương	04/04/2004	Sóc Trăng	8.33	8.75	Đạt
18	CB56059	CNTP2311012	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	15/03/2005	Sóc Trăng	4.67	6.75	Không đạt
19	CB56060	CNXD2311030	Lê Vũ	Hà	01/04/2005	Sóc Trăng	7.67	6.75	Đạt
20	CB56061		Phan Thị Hồng	Hạnh	04/11/2004	An Giang	6.67	7.00	Đạt
21	CB56062		Trần Ngọc	Hân	27/04/2002	Cần Thơ	7.67	6.75	Đạt
22	CB56063	2101160	Nguyễn Văn Chí	Hậu	28/07/2003	Hậu Giang	4.33	6.00	Không đạt
23	CB56064	KTNL2311032	Nguyễn Quốc	Hiền	22/04/2005	Cần Thơ	7.33	6.75	Đạt

24	CB56065	QLXD2311038	Bùi Nguyễn Trung	Hiếu	02/10/2004	Cần Thơ	4.67	6.00	Không đạt
25	CB56066	CNDD2311033	La Chí	Hoài	06/02/2005	Kiên Giang	6.00	7.25	Đạt
26	CB56067	CNCD2311042	Lê Minh	Huy	14/12/2005	Sóc Trăng	6.00	6.00	Đạt
27	CB56068	LUAT2311043	Danh Thị	Huyền	02/10/2005	Kiên Giang	6.67	7.75	Đạt
28	CB56069	2101370	Đặng Hoàng	Huynh	09/08/2001	Bạc Liêu	7.67	8.25	Đạt
29	CB56070	LUAT2311028	Lê Mạnh	Huỳnh	19/01/2005	Sóc Trăng	7.67	6.00	Đạt
30	CB56071	KTNL2311036	Nguyễn Vũ	Hung	03/10/2005	Cần Thơ	7.00	5.25	Đạt
31	CB56072	KETO2311067	Bùi Trí	Hung	22/07/2005	Hậu Giang	8.67	5.00	Đạt
32	CB56073		Lê Hoàng Xuân	Hương	21/04/2005	Cần Thơ	5.33	5.00	Đạt
33	CB56074	LUAT2311005	Huỳnh Thị Diễm	Kiều	11/11/2005	Hậu Giang	7.00	8.50	Đạt
34	CB56075	QLXD2311040	Huỳnh Thị Mộng	Kha	12/10/2005	Hậu Giang	5.33	4.00	Không đạt
35	CB56076		Nguyễn Hoàng Yến	Khoa	19/02/2004	Vĩnh Long	6.33	6.75	Đạt
36	CB56077	CNXD2311042	Nguyễn Việt	Khoa	07/09/2005	Hậu Giang	6.33	5.00	Đạt
37	CB56078	QLXD2211019	Phan Nguyễn Hồng	Khoa	30/11/2004	Cần Thơ	3.67	4.50	Không đạt
38	CB56079	CNXD2311045	Lâm Hoàng	Khôi	12/06/2005	Cà Mau	5.00	4.25	Không đạt
39	CB56080		Huỳnh Ngọc	Lam	18/03/2002	Hậu Giang	4.67	5.25	Không đạt
40	CB56081	TCNH2311042	Huỳnh Trường	Lâm	27/04/2005	Kiên Giang	6.33	7.25	Đạt
41	CB56082	QLXD2311002	Trần Khánh	Linh	07/11/2005	Cần Thơ	6.33	7.25	Đạt
42	CB56083	QLXD2311035	Nguyễn Phúc	Lộc	02/04/2005	Hậu Giang	9.33	9.00	Đạt
43	CB56084	QLXD2311031	Trương Văn	Lộc	09/11/2005	Sóc Trăng	7.67	7.00	Đạt
44	CB56085	CNCD2311030	Đoàn Phước	Lộc	08/01/2005	Cần Thơ	5.67	5.50	Đạt
45	CB56086	CNDT2311032	Khúc Thành	Lợi	19/12/2004	Cần Thơ	7.00	7.50	Đạt
46	CB56087	NGNA2311053	Võ Thị Cẩm	Lụa	16/03/2005	Cần Thơ	7.33	6.50	Đạt
47	CB56088	QLXD2311023	Võ Phạm Kiều	My	31/05/2005	Vĩnh Long	7.00	9.50	Đạt
48	CB56089	2100935	Lê Tuyết	Ngân	21/11/2003	Cần Thơ	6.33	5.50	Đạt
49	CB56090	CNDT2311003	Lê Thị Kim	Ngân	09/07/2005	An Giang	7.33	6.75	Đạt
50	CB56091	CNDT2311042	Bùi Hồng	Nghị	16/08/2005	Sóc Trăng	7.33	7.00	Đạt
51	CB56092	CNDT2311040	Bùi Trọng	Nghĩa	15/08/2005	Cà Mau	7.33	9.00	Đạt
52	CB56093	2101290	Lê Văn Viết	Nghĩa	05/07/2003	Bạc Liêu	8.00	9.75	Đạt
53	CB56094	2100102	Võ Hoàng	Nghĩa	14/05/2001	Sóc Trăng	4.67	3.75	Không đạt
54	CB56095	QLCN2311054	Huỳnh Lê Thanh	Ngọc	28/03/2005	Cần Thơ	6.67	7.25	Đạt

55	CB56096	1900591	Nguyễn Như	Ngọc	17/02/2001	Cần Thơ	5.33	3.50	Không đạt
56	CB56097		Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	25/09/2005	Cần Thơ	5.33	7.25	Đạt
57	CB56098	LUAT2311058	Phạm Thị Thúy	Ngọc	09/01/2005	Bình Thuận	7.67	6.25	Đạt
58	CB56099	2101349	Trần Hoàn Bội	Ngọc	07/11/2003	Cần Thơ	7.33	5.00	Đạt
59	CB56100	QTKD2311057	Lê Bảo	Ngọc	19/12/2005	Vĩnh Long	6.67	7.50	Đạt
60	CB56101	2100540	Đào Khánh	Nguyên	18/01/2003	Cần Thơ	5.67	6.75	Đạt
61	CB56102	1700408	Lê Đỗ Khôi	Nguyên	16/11/1999	Cần Thơ	8.00	5.25	Đạt
62	CB56103	TCNH2311022	Ngô Huỳnh Đình	Nguyên	24/06/2005	Vĩnh Long	7.00	9.75	Đạt
63	CB56104	LQCC2211003	Nguyễn Khôi	Nguyên	06/01/2004	Sóc Trăng	7.33	8.75	Đạt
64	CB56105	QLXD2211047	Huỳnh Hữu	Nhân	01/01/2004	Hậu Giang	6.33	8.25	Đạt
65	CB56106	NGNA2311009	Trịnh Hoàng	Nhật	03/10/2005	Cần Thơ	7.00	6.75	Đạt
66	CB56107	CNHH2311005	Huỳnh Ngọc	Nhi	14/04/2005	Bạc Liêu	8.33	7.00	Đạt
67	CB56108	LUAT2211012	Lâm Hồng	Nhi	02/12/2004	Hậu Giang	7.33	5.50	Đạt
68	CB56109	LUAT2211013	Trần Ngọc	Nhi	17/10/2004	Sóc Trăng	8.33	6.00	Đạt
69	CB56110		Cao Đảm	Nhiệm	17/09/2001	Cà Mau	5.33	6.50	Đạt
70	CB56111	KETO2211070	Mai Thị	Nhiên	16/08/2004	Cần Thơ	7.00	9.00	Đạt
71	CB56112	LQCC2211039	Trần Thị Ngọc	Như	23/05/2004	Sóc Trăng	6.67	6.25	Đạt
72	CB56113	TCNH2211063	Trịnh Thảo	Như	25/05/2004	Cà Mau	8.00	5.75	Đạt
73	CB56114	QLXD2211010	Chung Tấn	Phát	30/10/2004	Cà Mau	7.67	5.75	Đạt
74	CB56115	KTNL2311015	Trần Thái	Phong	14/06/2005	Đồng Tháp	7.67	9.75	Đạt
75	CB56116	2101321	Lê Văn Sông	Phối	13/02/2003	Cần Thơ	7.33	6.50	Đạt
76	CB56117		Trần Gia	Phú	01/11/2009	Cần Thơ	5.67	6.25	Đạt
77	CB56118	QTKD2211014	Đặng Thị Tiểu	Phụng	23/06/2004	Bạc Liêu	5.67	5.75	Đạt
78	CB56119	LUAT2211034	Nguyễn Lê Hồng	Phương	18/12/2004	TP.Hồ Chí Minh	8.00	8.25	Đạt
79	CB56120	QLXD2311024	Nguyễn Ngọc Duy	Quang	29/10/2005	Hậu Giang	4.67	4.00	Không đạt
80	CB56121	KTNL2311028	Trương Bảo	Quân	18/10/2005	Cần Thơ	7.33	7.50	Đạt
81	CB56122		Lý Như	Quyên	04/08/2004	Vĩnh Long	9.00	9.25	Đạt
82	CB56123	2101614	Trần Ngọc Như	Quỳnh	29/12/2003	TP.Hồ Chí Minh	6.33	6.50	Đạt
83	CB56124	CNDT2311033	Nguyễn Huỳnh Thái	Sang	26/10/2005	Cần Thơ	7.67	8.50	Đạt
84	CB56125	1900611	Nguyễn Quốc	Sĩ	08/07/2001	Cần Thơ	5.33	7.25	Đạt
85	CB56126	LUAT2311022	Trần Văn Quốc	Sơn	13/08/2005	Cần Thơ	7.67	7.00	Đạt

86	CB56127	CNXD2311036	Nguyễn Hoàng	Tâm	10/08/2005	Sóc Trăng	7.33	6.50	Đạt
87	CB56128		Trần Minh	Tâm	12/01/1970	Hậu Giang	8.67	7.50	Đạt
88	CB56129		Bùi Cẩm	Tiên	08/09/2005	Cần Thơ	6.00	7.00	Đạt
89	CB56130	KTNL2311033	Tăng Võ Hoàng	Toàn	18/11/2005	Cần Thơ	7.00	7.25	Đạt
90	CB56131	TCNH2311063	Nguyễn Hùng	Thái	27/12/2005	An Giang	7.67	8.00	Đạt
91	CB56132	QLXD2311060	Trịnh Quốc	Thái	13/12/2005	Kiên Giang	5.00	3.75	Không đạt
92	CB56133	CNDT2311049	Võ Quốc	Thái	28/02/2005	Cà Mau	7.67	7.50	Đạt
93	CB56134	1800273	Lâm Mỹ	Thanh	18/10/2000	Cần Thơ	4.00	5.50	Không đạt
94	CB56135	QLCN231139	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/12/2005	An Giang	6.33	8.25	Đạt
95	CB56136	2101635	Mai Bảo	Thi	22/10/2003	Cần Thơ	5.00	3.75	Không đạt
96	CB56137	CNSH2311027	Ký	Thiện	30/05/2005	Cần Thơ	7.00	6.50	Đạt
97	CB56138	TCNH2311018	Trương Gia	Thịnh	04/01/2005	Kiên Giang	9.00	8.75	Đạt
98	CB56139	2101038	Bùi Gia	Thuận	07/12/2003	Vĩnh Long	6.67	8.50	Đạt
99	CB56140		Hà Anh	Thư	10/05/2003	Cần Thơ	7.00	5.00	Đạt
100	CB56141	2101308	Nguyễn Minh	Thư	04/10/2003	Cần Thơ	8.00	6.75	Đạt
101	CB56142		Giang Ngọc	Thy	21/05/1987	Hậu Giang	5.67	5.00	Đạt
102	CB56143	KETO2311073	Nguyễn Diễm	Trang	25/06/2005	Cà Mau	8.67	8.00	Đạt
103	CB56144	2100757	Kiều Bảo ngọc	Trâm	20/11/2003	Cà Mau	7.33	5.50	Đạt
104	CB56145	CNHH2311026	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	13/11/2005	Trà Vinh	7.67	8.00	Đạt
105	CB56146		Nguyễn Phạm Khánh	Trân	22/09/2004	Cần Thơ	7.00	6.50	Đạt
106	CB56147		Nguyễn Thị Ngọc	Trân	02/10/2005	Hậu Giang	5.00	3.50	Không đạt
107	CB56148	LUAT2311015	Phạm Đỗ Ngọc	Trân	24/07/2005	Bạc Liêu	8.33	8.25	Đạt
108	CB56149	QLXD2311042	Nguyễn Minh	Trí	29/10/2005	Cần Thơ	4.33	8.50	Không đạt
109	CB56150	LUAT2211056	Nguyễn Minh	Trí	13/01/2004	Cần Thơ	7.67	8.75	Đạt
110	CB56151	CNXD2311018	Trần Minh	Trọng	22/09/2005	Sóc Trăng	6.67	4.25	Không đạt
111	CB56152	CNXD2311049	Nguyễn Quang	Trường	20/07/2005	Bạc Liêu	5.33	6.25	Đạt
112	CB56153	LUAT2211043	Nguyễn Thị Ánh	Vân	15/05/2004	Cần Thơ	8.00	7.25	Đạt
113	CB56154	KTNL2311016	Đinh Phú	Vinh	22/12/2005	Cần Thơ	8.00	8.25	Đạt
114	CB56155	LUAT2211057	Nguyễn Thị Thúy	Vy	19/03/2004	Kiên Giang	5.67	6.00	Đạt
115	CB56156	TCNH2311025	Thượng Gia Triệu	Vy	01/06/2005	Cần Thơ	5.67	5.50	Đạt
116	CB56157	CNXD2311050	Vũ Hạ	Vy	04/02/2005	Sóc Trăng	6.67	8.00	Đạt

117	CB56158	2100611	Võ Phú Yên	18/08/2003	Sóc Trăng	6.33	7.25	Đạt
118	CB56159	2100780	Huỳnh Thụy Hoàng Yên	14/02/2003	TP.Hồ Chí Minh	5.67	7.00	Đạt
119	CB56160	1800093	Nguyễn Công Hậu	07/08/2000	Kiên Giang	7.00	6.50	Đạt

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HUỲNH THANH NHÃ

NGUYỄN BÁ DUY